

Số: 82 /TB-HĐTD

Hà Nam, ngày 20 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

Danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, kỳ tuyển dụng công chức tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 597/KH-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh Hà Nam về tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024; Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức khối chính quyền kỳ tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024; Quyết định số 977-QĐ/TU ngày 15/5/2024 của Tỉnh ủy Hà Nam về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển, thi tuyển công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội kỳ tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024; Hội đồng tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024 thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1 kỳ tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024 như sau:

A. Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1 kỳ tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024:

(Ban hành kèm theo Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 977-QĐ/TU ngày 15/5/2024 của Tỉnh ủy Hà Nam).

- Số báo danh dự thi của thí sinh xem tại Phụ lục kèm theo Thông Báo này.

B. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự thi vòng 1

I. Nhận giấy báo dự tuyển và nộp lệ phí dự tuyển

- Thời gian: Từ ngày 22/5/2024 đến ngày 24/5/2024 (Giờ hành chính);
- Lệ phí dự tuyển: 400.000 đồng/thí sinh (bốn trăm nghìn đồng/thí sinh);
- Địa điểm: Sở Nội vụ tỉnh Hà Nam (Số 165 đường Trường Chinh, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam).

II. Khai mạc kỳ thi

- Thời gian: 14h00 ngày 29/5/2024
- Địa điểm: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam (đường Nguyễn Hữu Tiến, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam)

III. Thời gian thi tuyển

1. Thi vòng 01

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính
- Thời gian thi: 01/6/2024
- Buổi sáng: Thi môn Kiến thức chung
 - + Ca 1: Từ 7h30' đến 8h30' (Thí sinh có mặt từ 7h00');
 - + Ca 2: Từ 9h00 đến 10h00' (Thí sinh có mặt từ 8h30')
- Buổi chiều: Thi môn Tiếng Anh
 - + Ca 1: Từ 14h00' đến 14h30' (Thí sinh có mặt từ 13h30');
 - + Ca 2: Từ 15h00' đến 15h30' (Thí sinh có mặt từ 14h30');
 - + Ca 3: Từ 16h00' đến 16h30' (Thí sinh có mặt từ 15h30')

(Danh sách phòng thi được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ và tại Trụ sở Sở Nội vụ tỉnh Hà Nam)

2. Thi vòng 02

- Hình thức thi: Phỏng vấn
- Thời gian thi: 08/6/2024
- + Sáng: phỏng vấn từ 8h00 đến 11h00 (*Thí sinh có mặt từ 7h00*);
- + Chiều: phỏng vấn từ 14h00 đến 17h00 (*Thí sinh có mặt từ 13h00*).
- Địa điểm: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam (đường Nguyễn Hữu Tiến, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam)

Hội đồng tuyển dụng công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền tỉnh Hà Nam năm 2024 trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐTD;
- BTC Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Niêm yết công khai tại Trụ sở SNV;
- Công khai trên Công TTĐT SNV;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Đỗ Hồng Hà**

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ THI TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY VI TÍNH
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC KHỐI ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
VÀ KHỐI CHÍNH QUYỀN TỈNH HÀ NAM NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông báo số 82/TB-HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
001	Trần Đình An	02/06/2000	Phường Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Thị đoàn Duy Tiên	11.5	TN	0	Không	
002	Nguyễn Thế Anh	07/7/1995	Xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Huyện ủy Kim Bảng	12.1	VP	0	Không	
003	Nguyễn Thị Hoàng Anh	15/9/1992	Xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Phòng Theo dõi công tác nội chính và cải cách tư pháp, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.1	NC	0	Không	
004	Nguyễn Thị Lan Anh	04/12/2000	Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Ban Dân vận Huyện ủy Kim Bảng	12.3	DV	0	Không	
005	Nguyễn Văn Anh	26/11/2000	Xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	0	Không	
006	Trịnh Mai Anh	12/6/2000	Xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Huyện ủy Kim Bảng	12.2	VP	0	Không	
007	Vũ Lê Văn Anh	13/02/2000	Phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Phòng Theo dõi công tác xử lý đơn, thư, tiếp công dân, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.5	NC	0	Không	
008	Vũ Phương Anh	06/10/2001	Phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Ban Phong trào, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	6.2	MT	0	Không	
009	Hoàng Thị Ánh	17/02/1999	Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Bình Lục	6.3	TCKT	0	Không	
010	Nguyễn Đắc Bách	23/10/1995	Xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Thanh Liêm	4.2	XD	0	Không	
011	Phạm Thị Ngọc Bích	12/6/1987	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	10.1	VP	0	Không	
012	Nguyễn Xuân Chiến	11/3/1992	Xã An Hùng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Thanh Liêm	4.1	TCKT	0	Không	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
013	Phạm Minh Chiến	19/8/1999	Thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương	3.1	CT	0	Không	
014	Nguyễn Văn Chương	20/7/1995	Xã Yên Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	2.5	Không	
015	Đào Thành Đạt	01/12/2000	Xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	2.1	TCKT	0	Không	
016	Phạm Thành Đạt	08/9/2000	Thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng	7.1	XD	0	Không	
017	Nguyễn Như Đức	26/4/1998	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng	7.2	XD	0	Không	
018	Đỗ Thùy Dung	22/12/1997	Xã Mộc Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Ban Dân vận Thị ủy Duy Tiên	11.3	DV	0	Không	
019	Phạm Lưu Bảo Dung	19/11/2001	Xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Phòng Theo dõi công tác xử lý đơn, thư, tiếp công dân, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.5	NC	0	Không	
020	Nguyễn Anh Dũng	02/6/2002	Xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	5.1	NV	0	Không	
021	Nguyễn Tiến Dũng	19/5/1999	Xã Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Theo dõi công tác nội chính và cải cách tư pháp, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.1	NC	0	Không	
022	Nguyễn Việt Dũng	08/4/1994	Xã Bò Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	10.1	VP	0	Không	
023	Đồng Thị Thùy Dương	19/12/1993	Xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Phòng Phát triển Hạ tầng, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao	9.1	XD	0	Không	
024	Nguyễn Phương Giang	25/9/2001	Xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Ban Xây dựng Đoàn, cơ quan Tỉnh đoàn	9.1	TN	0	Không	
025	Nguyễn Trường Giang	10/6/2001	Xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	3.2	KTV	0	Miễn thi	
026	Bùi Thị Thu Hà	25/7/1999	Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Ban Tổ chức Thị ủy Duy Tiên	11.2	TC	0	Không	
027	Nguyễn Thị Thái Hà	11/7/1991	Xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	1.1	VP	0	Miễn thi	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
028	Hoàng Thị Hải	07/5/1990	Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	8.1.1	TCKT	0	Không	
029	Phạm Minh Hải	21/7/1995	Xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Liên đoàn Lao động huyện Thanh Liêm	7.1	TCCĐ	0	Không	
030	Kiều Thị Thuý Hằng	23/11/1993	Xã Đồng Trục, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Ban Phong trào (nay là Ban Tuyên giáo - Chính sách luật pháp - Gia đình xã hội) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	8.2	PN	0	Không	
031	Mạnh Thúy Hằng	07/02/2001	Xã Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Ban Dân vận Thị ủy Duy Tiên	11.3	DV	0	Không	
032	Nguyễn Thúy Hằng	18/11/2001	Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Huyện đoàn Thanh Liêm	14.5	TN	0	Không	
033	Trần Thị Hằng	23/9/1997	Xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng	7.2	XD	0	Không	
034	Nguyễn Vũ Hồng Hạnh	26/10/1999	Xã Nhon Mỹ, huyện An Nhon, tỉnh Bình Định	Ban Thanh thiếu nhi trường học, cơ quan Tỉnh đoàn	9.2	TN	0	Không	
035	Nguyễn Thị Thu Hiền	31/12/1998	Xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Ban Phong trào, cơ quan Tỉnh đoàn	9.4	TN	0	Không	
036	Nguyễn Thị Hiệp	20/12/1987	Xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Bình Lục	6.3	TCKT	0	Không	
037	Đặng Trung Hiếu	10/01/2000	Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Lý Nhân	1.1	XD	0	Không	
038	Đào Minh Hiếu	15/5/1999	Xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Theo dõi công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.3	NC	0	Không	
039	Nguyễn Trung Hiếu	08/6/1996	Xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Thanh Liêm	4.2	XD	0	Không	
040	Phạm Lê Trung Hiếu	18/10/1998	Xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Văn phòng Huyện ủy Thanh Liêm	14.2	VP	0	Không	
041	Trần Minh Hiếu	04/7/1998	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng	7.1	XD	0	Không	
042	Nguyễn Ngọc Hoài	15/2/2000	Xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Tổng hợp - Chính sách (nay là Văn phòng Ban), Ban Tổ chức Tỉnh ủy	2.1	TC	0	Không	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
043	Phạm Ngọc Huân	16/9/1993	Phường Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Hội Nông dân thị xã Duy Tiên	11.4	ND	0	Không	
044	Nguyễn Đức Hùng	19/10/2001	Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Thanh Liêm	14.4	MT	0	Không	
045	Nhữ Đăng Vũ Hùng	10/10/1992	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Thanh Liêm	4.2	XD	0	Không	
046	Phan Trần Tuấn Hùng	15/11/2002	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Ban Phong trào, cơ quan Tỉnh đoàn	9.4	TN	0	Không	
047	Đỗ Thị Hương	23/11/1993	Xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	10.1	VP	0	Không	
048	Ngô Thu Hương	19/4/1997	Xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Theo dõi công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.4	NC	0	Không	
049	Nguyễn Thị Hương	02/01/1991	Phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội	Ban Dân chủ - Pháp luật, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	6.1	MT	0	Không	
050	Vũ Minh Hường	14/9/1997	Xã An Đô, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Tư pháp, UBND huyện Bình Lục	6.1	TP	0	Miễn thi	
051	Đinh Quốc Huy	12/9/2000	Xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Hội Nông dân huyện Kim Bảng	12.5	ND	0	Không	
052	Đỗ Đăng Quang Huy	28/6/1999	Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	3.3	KTV	0	Không	
053	Khương Thu Huyền	24/5/2001	Xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	2.1	TCKT	0	Không	
054	Lê Ngọc Huyền	28/7/1999	Phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	8.1.2	YT	0	Không	
055	Nguyễn Thị Huyền	13/5/1996	Xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Thanh Liêm	4.3	NV	0	Không	
056	Lã Xuân Khanh	17/9/2001	Xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Theo dõi công tác xử lý đơn, thư, tiếp công dân, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.5	NC	0	Không	
057	Nguyễn Đăng Khoa	27/7/1997	Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng	7.2	XD	0	Không	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
058	Đỗ Trung Kiên	30/11/1991	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Thanh Liêm	4.2	XD	0	Không	
059	Nguyễn Trung Kiên	05/01/2002	Xã Văn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Thanh Liêm	4.1	TCKT	0	Không	
060	Nguyễn Trung Kiên	08/3/1991	Xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Lục	6.2	TCKT	0	Không	
061	Chu Kiệt	22/10/2001	Xã Bối Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Huyện ủy Bình Lục	15.1	VP	0	Không	
062	Nguyễn Bá Phan Lâm	07/11/2000	Xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Văn phòng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	10.1	VP	0	Không	
063	Nguyễn Tùng Lâm	07/02/1999	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Văn phòng Thị ủy Duy Tiên	11.1	VP	0	Không	
064	Đỗ Thị Lành	08/6/1983	Xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Lục	6.2	TCKT	0	Không	
065	Chu Thủy Linh	06/12/2000	Xã Yên Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	10.1	VP	0	Không	
066	Đàm Nguyễn Khánh Linh	18/01/2001	Phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng	7.2	XD	0	Không	
067	Hoàng Thị Thùy Linh	14/12/1999	Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Huyện ủy Thanh Liêm	14.1	VP	0	Không	
068	Lê Thị Thùy Linh	30/9/1996	Xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.1	YT	0	Không	
069	Tổng Diệu Linh	03/4/2000	Xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Liên đoàn Lao động huyện Thanh Liêm	7.1	TCCĐ	0	Không	
070	Trần Đức Luân	07/5/1989	Xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Lý Nhân	1.1	XD	0	Không	
071	Bùi Ngọc Mai	03/11/2000	Phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Huyện đoàn Kim Bảng	12.4	TN	0	Không	
072	Doãn Ngọc Minh	01/9/1998	Xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	0	Không	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
073	Ngô Thị Trà My	27/9/1999	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Ban Phong trào (nay là Ban Tuyên giáo - Chính sách luật pháp - Gia đình xã hội) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	8.2	PN	0	Không	
074	Nguyễn Hải Nam	01/01/2001	Xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Phòng Theo dõi công tác nội chính và cải cách tư pháp, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.2	NC	0	Không	
075	Phạm Thị Hằng Nga	31/8/1999	Phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Ban Thanh thiếu nhi trường học, cơ quan Tỉnh đoàn	9.3	TN	0	Miễn thi	
076	Lê Thị Kim Ngân	17/9/2000	Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Ban Tổ chức (nay là Ban xây dựng tổ chức Hội) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	8.1	PN	0	Không	
077	Nguyễn Hà Ngân	09/6/1999	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Thanh Liêm	14.4	MT	0	Không	
078	Trần Thị Minh Ngọc	26/10/1999	Phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Ban Phong trào (nay là Ban Tuyên giáo - Chính sách luật pháp - Gia đình xã hội) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	8.2	PN	0	Không	
079	Trần Hạnh Nguyên	17/9/1999	Phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Phòng Nghiệp vụ I, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	3.1	KTV	0	Không	
080	Nguyễn Ngô Ý Nhi	12/12/2002	Xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	8.1.1	TCKT	0	Không	
081	Đặng Thu Phương	20/02/1996	Xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.	Phòng Khoa giáo, Tổng hợp, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	4.1	TG	0	Không	
082	Phạm Thị Thu Phương	08/3/2002	Xã Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Lục	6.2	TCKT	0	Không	
083	Trần Thu Phương	26/8/1998	Xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Lục	6.2	TCKT	0	Miễn thi	
084	Trương Lan Phương	09/01/2001	Xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Văn phòng, cơ quan Tỉnh đoàn	9.5	TN	0	Không	
085	Bùi Lệ Quyên	27/5/1998	Xã Tiên Hải, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.1	YT	0	Không	
086	Hoàng Thị Trúc Quỳnh	01/10/2001	Xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	10.1	VP	0	Không	
087	Nguyễn Thị Quỳnh	01/12/1988	Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Theo dõi công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.3	NC	0	Không	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
088	Trần Thị Ngọc Quỳnh	02/6/2001	Xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Phòng Tư pháp, UBND huyện Bình Lục	6.1	TP	0	Không	
089	Nguyễn Hoàng Sơn	24/9/2000	Xã Văn Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy	1.2	TCĐ	0	Không	
090	Phạm Thái Sơn	27/4/1995	Xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Thanh Liêm	4.3	NV	0	Không	
091	Lại Thị Tám	30/3/2001	Xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Ban Tổ chức Thị ủy Duy Tiên	11.2	TC	0	Không	
092	Ngô Thị Thanh Tâm	19/5/2002	Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Bình Lục	6.3	TCKT	0	Không	
093	Nguyễn Hồng Thái	25/5/1989	Xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	Hội Nông dân huyện Kim Bảng	12.5	ND	0	Không	
094	Trần Quang Thắng	01/4/2000	Xã Văn Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	0	Không	
095	Bùi Thị Tuyết Thanh	30/11/1999	Xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Ban Tổ chức Huyện ủy Thanh Liêm	14.3	TC	0	Không	
096	Bùi Long Thành	01/10/1998	Xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	1.1	VP	0	Không	
097	Đoàn Thị Thảo	29/01/1998	Xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Liên đoàn Lao động huyện Thanh Liêm	7.1	TCCĐ	0	Không	
098	Nguyễn Lê Minh Thu	19/4/2001	Xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	5	Không	
099	Nguyễn Thị Thuý	07/11/1991	Xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy	1.2	TCĐ	0	Không	
100	Nguyễn Thị Thu Thủy	30/3/1993	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	0	Không	
101	Phạm Thanh Thủy	12/6/1993	Xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Văn phòng Thị ủy Duy Tiên	11.1	VP	0	Không	
102	Hoàng Thị Thu Trang	04/01/2000	Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Ban Dân chủ - Pháp luật, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	6.1	MT	0	Không	

Số báo danh dự thi	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Mã vị trí dự tuyển	Mã ngành	Điểm ưu tiên	Miễn Ngoại ngữ	Ghi chú
103	Nguyễn Thị Thảo Trang	06/01/1998	Phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Thanh Liêm	14.4	MT	0	Không	
104	Quách Huyền Trang	23/4/2001	Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Hội Nông dân thị xã Duy Tiên	11.4	ND	0	Không	
105	Mai Thanh Tùng	08/12/1993	Xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Liên đoàn Lao động huyện Thanh Liêm	7.1	TCCĐ	0	Không	
106	Lê Hồng Văn	10/10/2000	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương	3.1	CT	0	Không	
107	Nguyễn Thị Hải Yến	27/9/1997	Phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	8.2.2	NV	0	Không	
DANH SÁCH GỒM CÓ 107 THÍ SINH									